

Mẫu số 09
Mã hiệu:.....
Số:.....

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

(Kèm theo Giấy rút dặt toán: GR...130.....ngày 29 tháng 09 năm 2024)

Tài khoản dự toán: ☒

Tài khoản tiền gửi: ☐

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: **TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐỊNH BỘ LÍNH**
2. Mã đơn vị: **1005239**
3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại: **118 000 030 302- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Chi nhánh 4 - TP.HCM**
- I. Nội dung đề nghị thanh toán** : Thanh toán tiền lương, PC chức vụ, PC trách nhiệm, PC thâm niên vượt khung, PC ưu đãi, PC thâm niên nhà giáo, khoản công tác phí cho Biên chế tháng 09/2024 và truy lĩnh phụ cấp thâm niên nhà giáo cho GV từ 01/3/2023 đến T8/2024.

STT	Tài khoản ngân hàng		Trong đó:									
	Họ và Tên	Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng	Tổng số	Lương và phụ cấp theo lương (5)					Tiền công lao động theo hợp đồng (Thỉnh giáng) T08/2024	Tiền khoán (văn phòng phẩm, công tác phí, điện thoại)	(12)
					Lương T09/2024 (MLCS: 2.340.000đ)	Phụ cấp chức vụ T09/2024 (MLCS: 2.340.000đ)	Phụ cấp thâm niên vượt khung T09/2024 (MLCS: 2.340.000đ)	P/C trách nhiệm kế toán + hướng dẫn tập sự; P/C TN, Tổng phụ trách đội... T09/2024, (MLCS: 2.340.000đ)	Phụ cấp ưu đãi T09/2024 (MLCS: 2.340.000đ)	Phụ cấp thâm niên nghề nhà giáo T09/2024 (MLCS: 2.340.000đ)	Truy lĩnh Phụ cấp thâm niên nghề nhà giáo T3/2023 đến T8/2024	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)					(6)	(10)	
	Tổng số				171.242.535	1.466.010	819.290	3.510.000	63.118.037	18.997.463	8.710.935	0
					171.242.535	1.466.010	819.290	3.510.000	63.118.037	18.997.463	8.710.935	0
I.	Đối với công chức, viên chức											
1	Lê Ngọc Phong	108001624840	VIETINBANK - CN 4	17.627.197	10.513.386	837.720	-	702.000	4.438.980	1.135.111		
2	Lê Thủy Minh Trang	105004303903	VIETINBANK - CN 4	18.284.175	10.513.386	628.290	-	-	4.357.080	2.785.419		
3	Lê Quang Cường	102877051974	VIETINBANK - CN 4	7.708.019	6.974.019	-	-	234.000	-	-		500.000
4	Nguyễn Thị Thu Thủy	103867283272	VIETINBANK - CN 4	5.651.978	5.151.978	-	-	-	-	-		500.000
5	Nguyễn Thị Hồng Thuận	103002592818	VIETINBANK - CN 4	9.944.532	6.282.900	-	-	702.000	2.457.000	502.632		
6	Trần Thị Kim Chung	107004669951	VIETINBANK - CN 4	12.909.780	8.377.200	-	-	-	3.276.000	1.256.580		
7	Lê Ngọc Yến Nhi	103879599624	VIETINBANK - CN 4	5.794.554	4.165.563	-	-	-	1.628.991			

STT	Họ và Tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:							Tiền công lao động theo hợp đồng (Thỉnh giảng) T08/2024	Tiền khoán (văn phòng phẩm, công tác phí, điện thoại)	Ghi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương (5)									
					Lương T09/2024 (MLCS: 2.340.000đ)	Phụ cấp chức vụ T09/2024 (MLCS: 2.340.000đ)	Phụ cấp thâm niên vượt khung T09/2024 (MLCS: 2.340.000đ)	P/C trách nhiệm kế toán + hướng dẫn tập sự; P/C TN, Tổng phụ trách đội... T09/2024, (MLCS: 2.340.000đ)	Phụ cấp ưu đãi T09/2024 (MLCS: 2.340.000đ)	Phụ cấp thâm niên nghề nhà giáo T09/2024 (MLCS: 2.340.000đ)	Truy lĩnh Phụ cấp thâm niên nghề nhà giáo T3/2023 đến T8/2024			
8	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	106879599673	VIETINBANK - CN 4	5.794.554	4.165.563	-	-	-	-	1.628.991				
9	Nguyễn Thị Kim Kha	104876622120	VIETINBANK - CN 4	6.817.122	4.900.662	-	-	-	-	1.916.460				
10	Trần Thị Thu Anh	104006876008	VIETINBANK - CN 4	10.961.211	6.974.019	-	-	702.000	2.727.270	557.922				
11	Phan Thị Thanh Huyền	108004323211	VIETINBANK - CN 4	15.790.535	9.801.324	-	-	-	3.832.920	2.156.291				
12	Phạm Thị Phương Thảo	108876611789	VIETINBANK - CN 4	6.817.122	4.900.662	-	-	-	1.916.460					
13	Phạm Thị Hồng Thắm	104879239274	VIETINBANK - CN 4	5.794.554	4.165.563	-	-	-	1.628.991					
14	Ngô Thị Mỹ Nguyệt	107004323209	VIETINBANK - CN 4	15.692.522	9.801.324	-	-	-	3.832.920	2.058.278				
15	Đoàn Thị Hiền	103004948640	VIETINBANK - CN 4	10.328.951	6.974.019	-	-	-	2.727.270	627.662				
16	Trịnh Thu Thảo	106870831075	VIETINBANK - CN 4	6.817.122	4.900.662	-	-	-	1.916.460					
17	Nguyễn Thị Thu Hiền	101872173093	VIETINBANK - CN 4	8.246.511	5.591.781	-	-	468.000	2.186.730					
18	Nguyễn Vĩnh Lộc	102004323198	VIETINBANK - CN 4	19.367.470	10.241.127	-	819.290	-	4.325.303	3.981.750				
19	Hồ Thị Lệ Huyền	106869003274	VIETINBANK - CN 4	7.929.195	4.900.662	-	-	-	1.916.460	245.033	867.040			
20	Vì Thị Thúy Nga	109004323207	VIETINBANK - CN 4	17.253.112	10.513.386	-	-	-	4.111.380	2.628.346				
21	Vũ Thúy Vân	105870727669	VIETINBANK - CN 4	7.778.511	5.591.781	-	-	-	2.186.730					
22	Châu Hà Mộng Trúc	100867412630	VIETINBANK - CN 4	12.108.847	5.591.781	-	-	-	2.186.730	335.507	3.994.829			
23	Phan Thị Huyền Trang	108867404197	VIETINBANK - CN 4	12.665.084	5.591.781	-	-	702.000	2.186.730	335.507	3.849.066			
24	Nguyễn Thị Mỹ Dung	104006458835	VIETINBANK - CN 4	8.169.936	5.591.781	-	-	-	2.186.730	391.425				

STT	Họ và Tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:								Tiền công lao động theo hợp đồng (Thỉnh giảng) T08/2024	Tiền khoán (văn phòng phẩm, công tác phí, điện thoại)	Ghi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương (5)										
					Lương T09/2024 (MLCS: 2.340.000đ)	Phụ cấp chức vụ T09/2024 (MLCS: 2.340.000đ)	Phụ cấp thâm niên vượt khung T09/2024 (MLCS: 2.340.000đ)	P/C tách nhiệm kế toán + hướng dẫn tập sự; P/C TN, Tổng phụ trách đội... T09/2024, (MLCS: 2.340.000đ)	Phụ cấp ưu đãi T09/2024 (MLCS: 2.340.000đ)	Phụ cấp thâm niên nghề nhà giáo T09/2024 (MLCS: 2.340.000đ)	Truy lĩnh Phụ cấp thâm niên nghề nhà giáo T3/2023 đến T8/2024				
25	Nguyễn Văn Mến	106003608950	VIETINBANK - CN 4	5.794.554	4.165.563	-	-	-	1.628.991						
26	Nguyễn Tuyết Phương	100875120981	VIETINBANK - CN 4	6.817.122	4.900.662	-	-	-	1.916.460						
II	Đối với lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP														
III.	Đối với hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

Tổng số tiền bằng chữ: Hai trăm sáu mươi tám triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi đồng J.

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước:

- Tăng nhân sự đối với GVAV: Nguyễn Thị Mỹ Dung, hệ số lương 2,67; PC TNNG 7% (từ ngày 01/09/2024) theo Quyết định số 707/QĐ-GĐĐT ngày 28/8/2024 của PGĐĐT về điều động viên chức;
- Tăng HS lương đối với GV: Nguyễn Thị Thu Hiền, hệ số lương 2,34 lên 2,67 (từ ngày 01/09/2024) theo Quyết định số 440/QĐ-UBND-NL ngày 15/8/2024 của UBND về nâng bậc lương đối với VC;
- Tăng HS lương đối với GV: Phan Thị Huyền Trang, hệ số lương 2,34 lên 2,67 (từ ngày 01/09/2024) theo Quyết định số 441/QĐ-UBND-NL ngày 15/8/2024 của UBND về nâng bậc lương đối với VC;
- Tăng HS lương đối với GV: Vũ Thúy Vân, hệ số lương 2,34 lên 2,67 (từ ngày 01/09/2024) theo Quyết định số 442/QĐ-UBND-NL ngày 15/8/2024 của UBND về nâng bậc lương đối với VC;
- Tăng xếp P/C TNNG lần đầu và nâng PC đối với GV: Châu Hà Mộng Trúc, 5% lần đầu (từ 01/3/2023 đến 02/2024); 5% lên 6% (từ ngày 01/03/2024) theo Quyết định số 605/QĐ-GĐĐT-TC ngày 14/8/2024 của PGĐĐT về xếp PCTN nhà giáo;
- Tăng xếp P/C TNNG lần đầu đối với GV: Hồ Thị Lệ Huyền, 5% lần đầu (từ 01/5/2024) theo Quyết định số 606/QĐ-GĐĐT-TC ngày 14/8/2024 của PGĐĐT về xếp PCTN nhà giáo;
- Tăng xếp P/C TNNG lần đầu và nâng PC đối với GV: Phan Thị Huyền Trang, 5% lần đầu (từ 01/3/2023 đến 02/2024); 5% lên 6% (từ ngày 01/03/2024) theo Quyết định số 607/QĐ-GĐĐT-TC ngày 14/8/2024 của PGĐĐT về xếp PCTN nhà giáo;
- Tăng P/C TNNG đối với GV: Nguyễn Thị Hồng Thuận, từ 7% lên 8% (từ ngày 01/09/2024) theo Quyết định số 608/QĐ-GĐĐT-TC ngày 14/8/2024 của PGĐĐT về nâng PCTN nhà giáo;
- Tăng P/C TNNG đối với GV: Trần Thị Kim Chung, từ 14% lên 15% (từ ngày 01/09/2024) theo Quyết định số 609/QĐ-GĐĐT-TC ngày 14/8/2024 của PGĐĐT về nâng PCTN nhà giáo;
- Giám HS phụ cấp chức vụ tổ trưởng chuyên môn: 0,2 (từ ngày 01/09/2024) của các GV và NV: Nguyễn Thị Thu Thủy; Nguyễn Thị Hồng Thuận; Trần Thị Thu Anh; Ngô Thị Mỹ Nguyệt; Nguyễn Vinh Lộc; Vi Thị Thúy Nga; Phan Thị Huyền Trang chờ cơ quan thẩm quyền ban hành Quyết định mới năm học 2024-2025.
- Tăng HS PC trách nhiệm hướng dẫn tập sự GV: Trần Thị Thu Anh, 0,3 (từ ngày 01/09/2024) theo Quyết định số 144/QĐ-ĐBL ngày 16/8/2024 của Trường TiH Đinh Bộ Lĩnh về phân công VC hướng dẫn tập sự (cô Nguyễn Thị Kim Kha);
- Giám HS PC trách nhiệm hướng dẫn tập sự GV: Vi Thị Thúy Nga, 0,3 (từ ngày 01/09/2024) theo Quyết định số 153/QĐ-ĐBL ngày 20/8/2024 của Trường TiH Đinh Bộ Lĩnh về kết thúc thời gian hướng dẫn tập sự cô Nguyễn Thị Kim Kha;

STT	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:							Tiền công lao động theo hợp đồng (Thỉnh giảng) T08/2024	Tiền khoán (văn phòng phẩm, công tác phí, điện thoại)	Ghi chú
				Lương và phụ cấp theo lương (5)									
	Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Phụ cấp chức vụ T09/2024 (MLCS: 2.340.000đ)	Phụ cấp thâm niên vượt khung T09/2024 (MLCS: 2.340.000đ)	P/C trách nhiệm kế toán + hướng dẫn tập sự; P/C TN, Tổng phụ trách đội... T09/2024, (MLCS: 2.340.000đ)	Phụ cấp ưu đãi T09/2024 (MLCS: 2.340.000đ)	Phụ cấp thâm niên nghề nhà giáo T09/2024 (MLCS: 2.340.000đ)	Truy/linh Phụ cấp thâm niên nghề nhà giáo T3/2023 đến T8/2024				
				Lương T09/2024 (MLCS: 2.340.000đ)									

- 13 - Tiền lương T09/2024 so với T08/2024: Tăng 7.665.138 đồng;
- 14 - Tiền phụ cấp chức vụ T09/2024 so với T08/2024: Giảm 2.932.020 đồng;
- 15 - Tiền PC thâm niên vượt khung T09/2024 so với T08/2024: Không thay đổi;
- 16 - Tiền các khoản phụ cấp khác T09/2024 so với T08/2024: Không thay đổi;
- 17 - Tiền PC ưu đãi T09/2024 so với T08/2024: Tăng 2.014.740 đồng;
- 18 - Tiền PC thâm niên nghề nhà giáo T09/2024 so với T08/2024: Tăng 1.047.778 đồng;
- 19 - Tiền lương HĐTG T08/2024 so với T07/2024: Không chi

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

[Signature]

[Signature]

Lê Quang Cường

Lê Quang Cường

KHO BẠC NHÀ NƯỚC



Ngày 10 tháng 09 năm 2024
Hiệu trưởng

Lê Ngọc Phong

Chuyên viên kiểm soát chi/Giao dịch viên

Ngàythángnăm 2024

Giám đốc KBNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng
được ủy quyền/Giám đốc KBNN quận, huyện